

SỞ Y TẾ TP.HCM  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BÌNH CHÁNH  
Số: 318/TM-BVĐKBBC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Tân Nhựt, ngày 30 tháng 03 năm 2026

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo trì thiết bị thang máy của  
Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh.

Kính gửi: Các công ty quan tâm.

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22 /2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội khóa XV;

Bệnh viện đa khoa Bình Chánh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo trì thiết bị thang máy của Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh, với nội dung cụ thể như sau:

### 1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Trần Quốc Minh, chức vụ: Trưởng phòng Hành chính Quản Trị, số điện thoại: 0962603241.

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 1 đường số 1, Khu trung tâm hành chính, Xã Tân Nhựt, TP.HCM.

Thời gian nhận báo giá: từ ngày 31 tháng 03 năm 2026 đến trước 16 h ngày 10 tháng 04 năm 2026.

Thời gian thực hiện hợp đồng : 12 tháng

Bảng chào giá bằng tiền đồng Việt Nam.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu của báo giá: Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày ký báo giá.

## 2. Nội dung công việc cần báo giá:

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo trì thiết bị thang máy của Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh.

Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh, số 1 đường số 1 Khu trung tâm hành chính, Xã Tân Nhựt, TP.HCM.

Đề nghị Quý Công ty quan tâm, có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá Cung cấp dịch vụ bảo trì thiết bị thang máy của Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh

Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, HCQT.



**GIÁM ĐỐC**

**VÕ NGỌC CƯỜNG**



## PHỤ LỤC

Kèm theo Thư chào số 318/TM-BVĐKBC ngày 30/3/2026

| TT | Tên dịch vụ       | Tiêu chí kỹ thuật                                                      | Thời gian thực hiện hợp đồng (tháng) | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá sau thuế (VNĐ/t hang/tháng) | Thành tiền sau thuế (VNĐ) |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------|---------------------------|
| 1  | Bảo trì thang máy | Thang máy Fuji<br>Tải trọng 1350 kg;<br>06 điểm dừng; tốc độ 60m/p.    | 12                                   | thang       | 3        |                                     |                           |
| 2  | Bảo trì thang máy | Thang máy Fuji<br>Tải trọng 1600 kg;<br>06 điểm dừng; tốc độ 60m/p.    | 12                                   | thang       | 3        |                                     |                           |
| 3  | Bảo trì thang máy | Thang máy Fuji<br>Tải trọng 1350 kg;<br>05 điểm dừng; tốc độ 60m/p.    | 12                                   | thang       | 1        |                                     |                           |
| 4  | Bảo trì thang máy | Thang máy Fuji<br>Tải trọng 1000 kg;<br>06 điểm dừng; tốc độ 60m/p.    | 12                                   | thang       | 2        |                                     |                           |
| 5  | Bảo trì thang máy | Thang máy Fuji<br>Tải trọng 1350 kg;<br>03 điểm dừng; tốc độ 60m/p.    | 12                                   | thang       | 1        |                                     |                           |
| 6  | Bảo trì thang máy | Thang máy tải hàng Fuji. Tải trọng 300 kg; 06 điểm dừng; tốc độ 30m/p. | 12                                   | thang       | 2        |                                     |                           |